

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 16/01/2025.

V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Bé; Ông Trương Phước Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Ông Lê Trần Long – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 724/2024/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2024, về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 995/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 9 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị B, sinh năm 1980; nơi cư trú: 632 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ liên hệ: Trung tâm thương mại P, huyện P, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Quốc V, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phan Thị B trình bày: bà và ông Đặng Quốc V do tìm hiểu, quen biết tiến tới hôn nhân năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông V có người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên bất hòa, hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Quốc V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Quốc A, sinh ngày 15/02/2014 hiện đang sống với bà B. Khi ly hôn bà B yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Đỗ Văn C đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: bà B và ông V kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không còn chung sống với nhau, nhận thấy tình cảm không còn, bà B yêu cầu ly hôn; ông V không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà B xin ly hôn với ông V là phù hợp. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Quốc A, sinh ngày 15/02/2014 hiện đang sống với bà B. Khi ly hôn bà B yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; ông V không có ý kiến phản hồi, nên việc bà B xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung là phù hợp Điều 56, 80, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. *Về nội dung tranh chấp*: bà B và ông V kết hôn năm 2013 và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà B trình bày, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông V có người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên bất hòa, hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Đặng

Quốc V. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà B yêu cầu ly hôn và triệu tập ông V tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông V vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà B. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà B, ông V nguyên nhân do ông V có quan hệ với người khác nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B xin ly hôn ông V.

[3] *Về quan hệ con chung*: vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Quốc A, sinh ngày 15/02/2014 hiện đang sống với bà B. Khi ly hôn bà B yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, con chung thì do gia đình bà B trực tiếp nuôi dưỡng; Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến cháu Quốc A thì nguyện vọng các cháu mong muốn được sống với bà B, trong quá trình giải quyết ông V cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu được nuôi con của bà B. Vì vậy, nghĩ nên giao con chung cho bà B chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về quan hệ tài sản chung*: không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về quan hệ nợ chung*: không có.

[6] *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà B phải chịu là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 80, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị B xin ly hôn ông Đặng Quốc V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 28, ngày 02 tháng 03 năm 2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: bà Phan Thị B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung tên Đặng Quốc A, sinh ngày 15/02/2014 ông Đặng Quốc V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: các bên không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà B xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì ông D, bà O phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Phan Thị B phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0023571 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 31/10/2024.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình